

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 443/2019/DS-ST

Ngày: 29/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nguyên Thao
2. Ông Chu Mạnh Tường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, THnh phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, THnh phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, THnh phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số nhà 219 D Đường số X, Khu phố Y, pH1 Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Thị Bích H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số nhà 648/14 đường K, Khu phố N, pH1 L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số nhà 219 D Đường số M, Khu phố H, pH1 T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2018 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C:

Ngày 27/8/2011 ông có cho bà Hồ Thị Bích H vay số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn một tháng với mức lãi suất 6%/tháng. Bà H có thể chấp cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 646500 ngày 08/10/1993 và bản di chúc ngày 22/7/2011 của bà Hồ Thị H1 nên hai bên thoả thuận ký hợp đồng cầm đồ với nội dung ông có nhận cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 646500 với số tiền 100.000.000 đồng đến ngày 27/9/2011. Ngày 04/9/2011 bà H vay thêm của ông số tiền 50.000.000 đồng với thời hạn và lãi suất giống lần vay trước nên hai bên không lập hợp đồng mới mà bà H chỉ ký xác nhận đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng vào tờ hợp đồng cầm đồ ngày 27/6/2011. Đến hạn ông nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không thực hiện. Đến nay ông yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng. Mặc dù bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ nhưng ông không yêu cầu phải thanh toán tiền lãi suất. Nguồn tiền ông cho vay là tiền chung của ông và vợ là bà Nguyễn Thị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn C, nguồn tiền ông C cho bà H vay là tiền chung của vợ chồng. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông C và yêu cầu bà H thanh toán cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và không yêu cầu phải trả tiền lãi suất.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bà Hồ Thị Bích H đến trụ sở Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Hồ Thị Bích H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C số tiền nợ vay 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xét, địa chỉ của bị đơn tại hợp đồng cầm đồ phù hợp với địa chỉ bị đơn đăng ký hộ khẩu tH1 trú nên đủ cơ sở xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Thủ Đức, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù đến nay bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn biết nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với nội dung bà H xác nhận đã nhận đủ tiền tại hợp đồng cầm đồ ngày 27/8/2011 có cơ sở xác định nguyên đơn đã giao cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng, thoả thuận tiền lãi suất 6%/tháng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng cầm đồ ngày 27/8/2011 để xác định bị đơn đã nhận đủ tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 29/8/2011.

Mặc dù ông C là người thực hiện giao dịch nhưng đến nay ông C và bà C cùng thừa nhận số tiền cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng, nên có cơ sở xác định số tiền 150.000.000 đồng ông C giao cho bà H vay là tài sản chung của ông C và bà C.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Ngoài ra nguyên đơn xác định hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và di chúc ngày 22/7/2011 do bị đơn thế chấp để đảm bảo cho số tiền vay. Xét, việc thế chấp tài sản đảm bảo không thực hiện đúng quy định pháp luật nên chưa phát sinh hiệu lực, bị đơn là người trực tiếp giao các giấy tờ cho nguyên đơn nên cần buộc nguyên đơn giao trả các giấy tờ trên cho bị đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 40; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi Hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Hồ Thị Bích H;

Bà Hồ Thị Bích H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C số tiền nợ vay 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án nếu bên phải thi Hành án không thi Hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm giao trả cho bà Hồ Thị Bích H bản chính di chúc của bà Hồ Thị H1 ngày 22/7/2011 và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 646500 của Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Hồ Thị H1 ngày 08/10/1993.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Bích H phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn C được nhận lại 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022963 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lữ